

QUY ĐỊNH QUẢN LÝ XÂY DỰNG

THEO ĐỒ ÁN QUY HOẠCH PHÂN KHU TỶ LỆ 1/2000 KHU DU LỊCH BẮC MIẾU BÀ, PHƯỜNG NÚI SAM, THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 3319/QĐ-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2017
của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang)

PHẦN I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng áp dụng và phân công quản lý thực hiện:

1.1. Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân ở nước ngoài có liên quan đến hoạt động quy hoạch xây dựng trong phạm vi đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu du lịch Bắc Miếu Bà, phường Núi Sam, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang đã được UBND tỉnh An Giang phê duyệt tại Quyết định số: 3319/QĐ-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2017.

1.2. Căn cứ vào hồ sơ đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu du lịch Bắc Miếu Bà, phường Núi Sam, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang được duyệt và các quy định tại bảng này, UBND thành phố Châu Đốc chỉ đạo tổ chức thực hiện và quản lý xây dựng theo quyền hạn, trách nhiệm được giao; Thỏa thuận địa điểm, tổ chức cấp phép xây dựng theo phân cấp, hướng dẫn việc triển khai các dự án đầu tư, thỏa thuận các giải pháp kiến trúc, quy hoạch cho các công trình cải tạo và xây dựng theo đúng quy hoạch và pháp luật.

Điều 2. Ranh giới, quy mô, tính chất, dân số khu vực lập quy hoạch:

2.1. Phạm vi ranh giới điều chỉnh quy hoạch:

Vị trí: Khu vực quy hoạch nằm ở phía Đông Bắc Núi Sam, thuộc phường Núi Sam, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang, với tứ cận như sau:

- Phía Đông Bắc giáp kênh Bờ Xáng, giáp Đường Hoàng Đạo Cật.
- Phía Đông Nam giáp Đường Tân Lộ Kiều Lương;
- Phía Tây Bắc giáp Kênh Vĩnh Tế;
- Phía Tây và Tây Nam giáp kênh Bền Vựa và Đường Châu Thị Tế.

2.2. Tính chất:

- Là khu du lịch, dịch vụ phục vụ khách tham quan và dân cư kết hợp khu di tích văn hoá lịch sử và du lịch Núi Sam.

2.3. Qui mô:

- Quy mô diện tích: khoảng 115,04 ha.
- Quy mô dân số: khoảng 2.765 dân.

2.4. Quy hoạch sử dụng đất:

Tổng diện tích khu đất 115,04 ha, phân thành các khu chức năng như sau:

BẢNG CÂN BẰNG ĐẤT

STT	LOẠI ĐẤT	DIỆN TÍCH (ha)	TỶ LỆ (%)
I	Đất đơn vị ở	16,45	14,30
1	Đất nhóm nhà ở	12,14	10,55
	- Đất nhóm nhà ở hiện hữu chỉnh trang	5,44	
	- Đất nhóm nhà ở tái định cư	6,70	
2	Đất công trình công cộng	1,28	1,11
	- Đất nhà văn hóa (hiện hữu)	0,37	
	- Đất giáo dục (trường mẫu giáo- hiện hữu)	0,80	
	- Đất trạm y tế (hiện hữu)	0,11	
3	Đất công viên cây xanh	3,03	2,63
II	Đất ngoài đơn vị ở	98,59	85,70
1	Đất du lịch, nghỉ dưỡng	41,26	35,87
2	Đất thương mại, dịch vụ	8,67	7,54
3	Đất khu cáp treo	6,38	5,55
4	Đất an ninh quốc phòng (đồn biên phòng Vĩnh Ngun 945)	1,83	1,59
5	Đất cây xanh, mặt nước	18,23	15,85
	- Đất cây xanh cách ly rạch	4,64	
	- Mặt nước	13,59	
6	Đất giao thông, sân bãi	22,22	19,32
	TỔNG CỘNG	115,04	100,00

PHẦN II: QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Quy định về các khu ở:

Tổng diện tích đất ở: **12,14 ha**. Được quản lý xây dựng như sau:

3.1. Nhà hiện trạng cải tạo: Gồm 3 khu, ký hiệu (I-1), (II-1), (II-2)

- Công trình khi xây dựng mới hoặc cải tạo nâng cấp phải lùi đúng chỉ giới xây dựng được quy định.

- Không chia nhỏ lô đất thổ cư < 50 m².

- Nhà có diện tích khu đất nhỏ hơn 15m² và chiều rộng mặt tiền hoặc chiều sâu so với chỉ giới xây dựng nhỏ hơn 3m. Không được phép xây dựng mới.

- Mật độ xây dựng tối đa theo diện tích lô đất như sau:

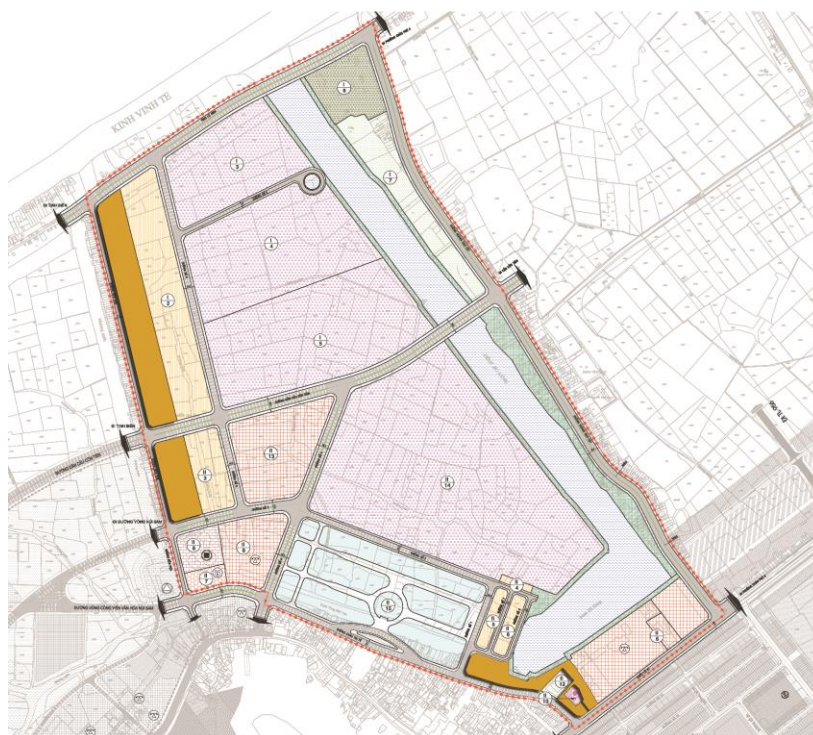
+ Diện tích lô đất từ 40m² ÷ 80m²/lô đất : 100%

+ Diện tích lô đất >80m² ÷ 100m²/lô đất : 90%

+ Diện tích lô đất > 100m² ÷ 200m² : 80%

- + Diện tích lô đất > 200m² ÷ 300m² : 70%
- + Diện tích lô đất > 300m² : 60%
- Tầng cao xây dựng tối đa:
 - + Nhà có diện tích từ 15m² đến dưới 40 m² : 2 tầng
 - + Nhà có mặt tiền rộng < 3 m : 2 tầng
 - + Khu đất có bề sâu dưới 5 m : 2 tầng
 - + Đối với các trường hợp còn lại : 3 tầng
- Quy định cao độ tầng xây dựng:
 - + Cao độ nền tầng trệt : +0,35m (so với vỉa hè tiếp giáp khu đất)
 - + Chiều cao tầng trệt : 4,0 m
 - + Chiều cao các tầng lầu : 3,5 m
 - + Buồng thang trên mái : 3,1 m (nếu có)
 - + Nếu có nhu cầu xây dựng tầng lửng thì chiều cao tầng trệt kể cả tầng lửng là 5,6 m (trệt 2,9 m, lửng 2,7 m) hoặc (trệt 3,0 m, lửng 2,6 m).
- Chỉ giới xây dựng : Trùng chỉ giới đường đỏ
- Độ vươn ban công tối đa:

Chiều rộng lộ giới (m)	Độ vươn ra tối đa (m)
Dưới 7m	0
7÷12	0,9
>12÷15	1,2
>15	1,4



Bản đồ vị trí nhà hiện trạng cải tạo

3.2. Nhà ở tái định cư: Ký hiệu ký hiệu (II-13), (II-16).

Tầng cao xây dựng tối đa: 3 tầng (khoảng 12m)

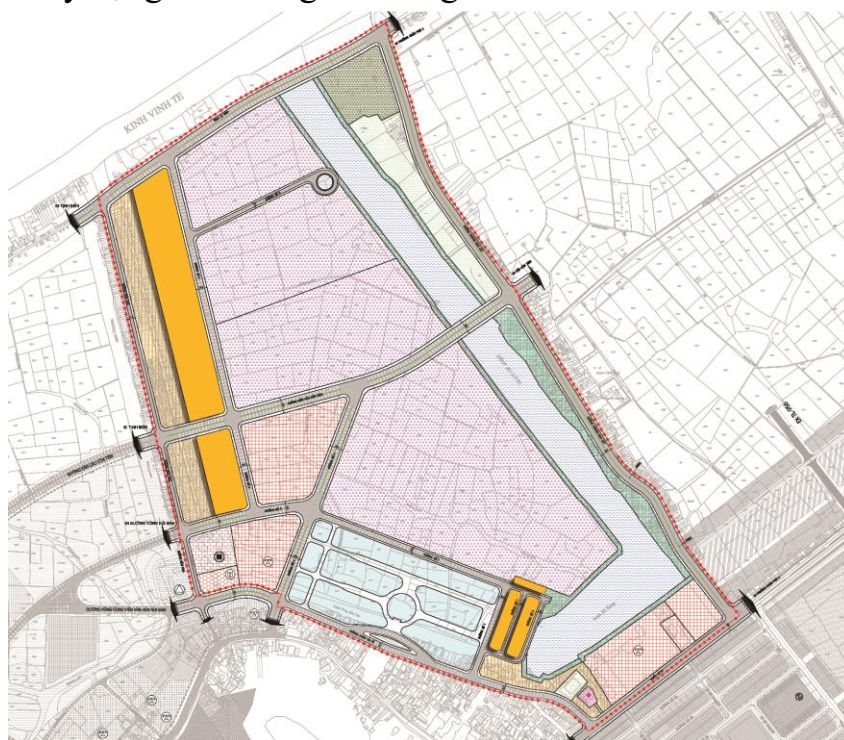
- Mật độ xây dựng tối đa theo diện tích lô đất như sau:

- + Diện tích lô đất từ 40m² ÷ 80m²/lô đất : 100%
- + Diện tích lô đất >80m² ÷ 100m²/lô đất : 90%
- + Diện tích lô đất > 100m² ÷ 200m² : 80%
- + Diện tích lô đất > 200m² ÷ 300m² : 70%
- + Diện tích lô đất > 300m² : 60%

- Quy định cao độ tầng xây dựng:

- + Cao độ nền tầng trệt : +0,45 (so với vỉa hè tiếp giáp khu đất)
- + Chiều cao tầng trệt : 3,9 m
- + Chiều cao tầng lầu : 3,4 m

- Chỉ giới xây dựng cách chỉ giới đường đỏ: $\geq 3\text{m}$



Bản đồ vị trí nhà tái định cư

Điều 4. Quy định về các công trình công cộng:

Tổng diện tích đất công trình công cộng: 1,28 ha, bao gồm:

4.1. Nhà văn hóa hiện hữu: Ký hiệu II-7

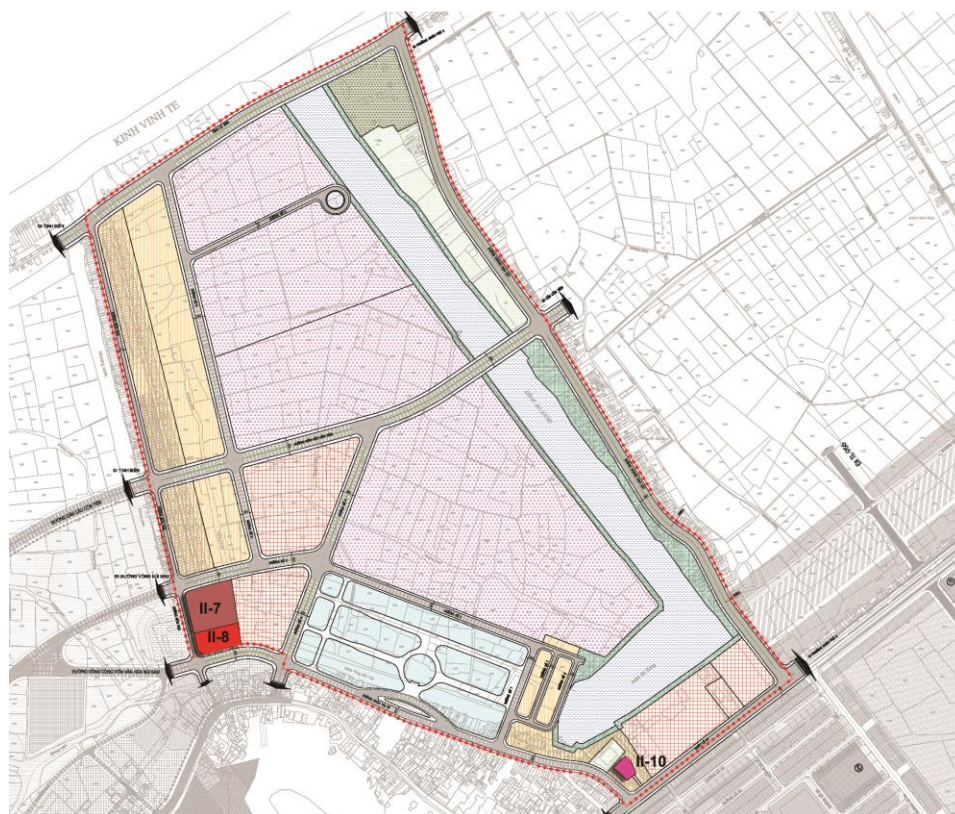
- Diện tích : 0,37 ha
- Mật độ xây dựng tối đa : 40%
- Tầng cao tối đa : 3 tầng
- Chỉ giới xây dựng cách chỉ giới đường đỏ:
 - + $\geq 5\text{m}$: đối với đường Châu Thị Tế và đường Bến Vựa
 - + $\geq 4\text{m}$: đối với ranh đất liền kề.

4.2. Trường mẫu giáo hiện hữu: Ký hiệu II-8

- Diện tích : 0,8 ha
- Mật độ xây dựng tối đa : 40%
- Tầng cao tối đa : 3 tầng
- Chỉ giới xây dựng cách chỉ giới đường đỏ:
 - + $\geq 5m$: đối với đường số 2 và đường Bến Vựa
 - + $\geq 4m$: đối với ranh đất liền kề.

4.3. Trạm y tế hiện hữu: Ký hiệu II-10

- Diện tích : 0,11 ha
- Mật độ xây dựng tối đa : 40%
- Tầng cao tối đa : 3 tầng
- Chỉ giới xây dựng cách chỉ giới đường đỏ:
 - + $\geq 4m$: đối với ranh đất liền kề.



Bản đồ vị trí các công trình công cộng

Điều 5. Quy định các công trình du lịch, nghỉ dưỡng:

Tổng diện tích đất công trình thương mại dịch vụ hỗn hợp: 41,26 ha, gồm các khu đất có ký hiệu I-3, I-4, I-5, II-14

- Mật độ xây dựng tối đa : 25%
- Tầng cao xây dựng tối đa : 5 tầng (khoảng 20m)
- Chỉ giới xây dựng cách chỉ giới đường đỏ:
 - + $\geq 5m$: đối với các tuyến đường xung quanh
 - + $\geq 5m$: đối với ranh đất liền kề



Bản đồ vị trí các công trình du lịch, nghỉ dưỡng

Điều 6. Quy định các công trình thương mại, dịch vụ:

Tổng diện tích đất công trình thương mại dịch vụ hỗn hợp: 8,67 ha, bao gồm:

6.1. Công trình thương mại dịch vụ: Ký hiệu II-6

- Diện tích : 5,0ha
- Mật độ xây dựng tối đa : 40%
- Tầng cao xây dựng tối đa : 3 tầng (khoảng 12m)
- Chỉ giới xây dựng cách chỉ giới đường đỏ:
 - + $\geq 5m$: đối với các tuyến đường xung quanh
 - + $\geq 5m$: đối với ranh đất liền kề

6.2. Công trình thương mại dịch vụ: Ký hiệu II-13

- Diện tích : 3,41ha
- Mật độ xây dựng tối đa : 60%
- Tầng cao xây dựng tối đa : 5 tầng (khoảng 20m)
- Chỉ giới xây dựng cách chỉ giới đường đỏ:
 - + $\geq 5m$: đối với các tuyến đường xung quanh
 - + $\geq 5m$: đối với ranh đất liền kề

6.3. Trung tâm hội nghị: Ký hiệu II-9

- Diện tích : 1,77ha
- Mật độ xây dựng tối đa : 40%
- Tầng cao xây dựng tối đa : 3 tầng (khoảng 12m)
- Chỉ giới xây dựng cách chỉ giới đường đỏ:
 - + $\geq 5m$: đối với các tuyến đường xung quanh
 - + $\geq 5m$: đối với ranh đất liền kề



Bản đồ vị trí các công trình thương mại, dịch vụ

Điều 7. Quy định về công trình an ninh quốc phòng:

Công trình an ninh quốc phòng- Đồn biên phòng Vĩnh Ngon 945 hiện hữu: giữ nguyên phạm vi sử dụng – Quy mô: 1,83 ha.

Điều 8. Quy định về khu cáp treo:

Khu cáp treo (ký hiệu) II-15 được quản lý theo quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 được ban hành kèm theo quyết định số 1123/QĐ-UBND ngày 13/4/2017 của UBND tỉnh An Giang



Bản đồ vị trí khu Ga đi cáp treo

Điều 9. Khu công viên cây xanh:

- Cây xanh tập trung tại công viên, cây xanh ven kênh rạch và các công trình công cộng đóng vai trò cải tạo vi khí hậu cho đô thị, vừa là nơi tập trung các hoạt động giao lưu, gặp gỡ, là nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao, tổ chức lễ hội, vui chơi giải trí, cho toàn đô thị.

- Cây xanh công viên phải đa dạng nhưng có tính trật tự.

- Các không gian xanh trong khu vực được gắn kết với nhau bằng các đường phố có trồng cây và các dãy cây để hình thành một hệ thống xanh liên tục. Tận dụng mọi khoảng trống để trồng cây xanh.

- Khoảng cây xanh trong hành lang bảo vệ dọc kênh Vĩnh Tế, kênh Bờ Xáng không có công trình kiến trúc nào được phép xây dựng.

Tổng diện tích đất công viên cây xanh: 7,67 ha, bao gồm:

- Công viên cây xanh bờ sông : 4,64 ha

- Công viên cây xanh, TDTT : 3,03 ha

Điều 10. Quy định về cây xanh đường phố:

- Cây xanh đường phố phải thiết kế hợp lý để có được tác dụng trang trí, phân cách, chống bụi, chống ồn, phối kết kiến trúc, tạo cảnh quan đường phố, cải tạo vi khí hậu, vệ sinh môi trường, chống nóng, không gây độc hại, nguy hiểm cho khách bộ hành, an toàn giao thông và không ảnh hưởng tới các công trình hạ tầng đô thị. Cây xanh đường phố phải trồng đồng bộ khi thi công hệ thống kỹ thuật hạ tầng.

- Cây xanh trồng trên vỉa hè phải chọn:

+ Cây có thân thẳng, gỗ dai không bị giòn gãy bất thường, tán lá gọn, thân cây không có gai, có độ phân cành cao.

+ Lá cây có bản rộng để tăng cường quá trình quang hợp, tăng hiệu quả làm sạch môi trường.

Điều 11. Quy định hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

11.1. San nền, thoát nước mưa:

a. *San nền:* cao trình san lấp $\geq +5.0\text{m}$ (so với hệ cao độ quốc gia).

b. *Thoát nước mưa:*

- Hệ thống thoát nước mưa riêng với nước thải sinh hoạt. Nước mưa trên toàn bộ bề mặt được gom về các trục giao thông sau đó được xả ra kênh Bờ Xáng và kênh Vĩnh Tế qua các cửa xả.

- Hệ thống thoát nước mưa sử dụng công tròn bê tông cốt thép, kích thước công tính toán theo chu kỳ tràn công $T=2$ năm, đường kính công từ $\text{Ø}600 \div \text{Ø}1500$.

11.2. Giao thông:

a. *Giao thông đối ngoại:*

- Đường Tân Lộ Kiều Lương (đoạn từ đường Hoàng Đạo Cật đến QL91): lộ giới 28m (5-18-5) lòng đường 18m, vỉa hè mỗi bên 5m. Nâng cấp mở rộng

- Đường tỉnh 955A, lộ giới 35m (6-10,5-2-10,5-6) lòng đường mỗi bên 10,5m, dải phân cách giữa 2,0m, vỉa hè mỗi bên 6,0m. Nâng cấp mở rộng

- Đường dẫn cầu Cồn Tiên: lộ giới 35m (6-10,5-2-10,5-6) lòng đường mỗi bên 10,5m, dải phân cách giữa 2,0m, vỉa hè mỗi bên 6,0m. Xây dựng mới.

- Đường vòng công viên văn hóa Núi Sam, lộ giới 30m (6-8-2-8-6) lòng đường mỗi bên 8m, dải phân cách giữa 2,0m, vỉa hè mỗi bên 6,0m. Xây dựng mới.

- Đường Châu Thị Tế: lộ giới 22m (5-12-5). Nâng cấp mở rộng.

b. *Giao thông đối nội: các tuyến đường còn lại*

Bảng thống kê các tuyến đường giao thông

STT	Tên đường	Mặt cắt	Chiều dài (m)	Lộ giới (m)				
				Chiều rộng	Vỉa hè trái	Mặt đường	Vỉa hè phải	Dải phân cách
Đất giao thông đối ngoại			2.767,2					
1	Đường tỉnh 955A	1-1	739,0	35	6	2x10,5	6	2
2	Đường dẫn cầu Cồn Tiên	1-1	861,3	35	6	2x10,5	6	2
3	Tân Lộ Kiều Lương	3-3	416,5	28	5	18	5	-
4	Đường Châu Thị Tế	2'-2'	750,4	22	5	12	5	-
Đất giao thông nội bộ			5.757,7					
1	Đường Hoàng Đạo Cật	2-2	1516,7	30	5	2x9	5	2
2	Đường Số 4	2-2	504,3	30	5	2x9	5	2
3	Đường Số 2	2-2	326,8	30	5	2x9	5	2
		5-5	455,4	20	4	12	4	-
		8-8	197,4	13	3	7	3	-
4	Đường Số 5	4-4	807,0	24	5	14	5	-
5	Đường Số 1	5-5	217,0	20	4	12	4	-
6	Đường Bến Vựa	6-6	888,0	17	5	7	5	-
7	Đường Số 6	7-7	462,0	16	4	8	4	-
8	Đường Số 7	8-8	151,6	13	3	7	3	-
9	Đường Số 8	8-8	231,5	13	3	7	3	-
TỔNG			8.524,9					

11.3. Cấp điện – Chiếu sáng:

a. *Nguồn cấp điện: Nguồn cấp điện lấy từ các tuyến trung thế 22KV hiện hữu trên Quốc lộ 91 thuộc trạm 110/22KV thành phố Châu Đốc.*

b. *Phụ tải điện:*

- Tổng nhu cầu sử dụng điện : Ptt = 20.548KW.

- Tổng dung lượng biến áp : Stt = 24.175KVA.

c. *Mạng điện phân phối:*

* *Tuyến trung thế:*

- Xây dựng mới tuyến trung thế ngầm 22kV cấp điện cho khu quy hoạch đầu nối vào các tuyến trung thế 22kv hiện hữu trên quốc lộ 91 thuộc trạm 110/22KV thành phố Châu Đốc kéo đến. Sử dụng loại cáp ngầm Cu/XLPE 22 KV có vỏ cách điện luồn trong ống PVC chịu lực. (Dùng cáp Cu/XLPE/DSTA/PVC 3xC 240mm²)

* Trạm biến áp 22kv - 0,4 KV:

- Xây dựng mới trạm biến áp phân phối 22/0,4 KV cấp điện sinh hoạt và chiếu sáng đường giao thông trong khu quy hoạch.

* Đường dây hạ thế:

- Các tuyến hạ thế 0,4KV cấp cho các công trình sử dụng loại cáp đồng 0,4KV có vỏ bọc cách điện đi ngầm dưới vỉa hè tương ứng với công suất từng loại phụ tải. Đối với từng loại công trình, từng loại phụ tải sử dụng cáp có tiết diện phù hợp,...

* Chiếu sáng:

- Sử dụng đèn cao áp Sodium công suất 250W/150W chiếu sáng cho khu quy hoạch, đèn lắp trên trụ thép tráng kẽm cao 8m khoảng cách giữa các trụ từ 25-30m. Dùng cáp ngầm vỏ bọc cách điện nhựa không cháy Cu/XLPE/DSTA/PVC 4xC 16 mm² cấp điện chiếu sáng cho toàn khu quy hoạch. (khuyến khích Sử dụng đèn Led với công suất từ 40W ÷ 100W, chiếu sáng đường giao thông để tiết kiệm năng lượng).

11.4. Cấp nước:

a. Nguồn cấp:

- Nguồn nước từ trạm cấp nước khu vực của nhà máy nước Châu Đốc;
- Đường ống cấp cho khu vực quy hoạch lấy từ 2 tuyến ống hiện trạng D100 trên Quốc lộ 91 và D250 trên đường Tân Lộ Kiều Lương.

b. Tính toán lưu lượng dùng nước:

- Tiêu chuẩn cấp nước : 150 lít/ng/ngày
- Tổng công suất : 780 m³/ngày đêm

c. Cấp nước chữa cháy:

- Bố trí trụ chữa cháy trên vỉa hè dọc theo hệ thống đường giao thông tại các vị trí thuận tiện để dễ dàng thao tác khi xảy ra sự cố. Lượng nước dự phòng cho 2 đám cháy xảy ra đồng thời trong 3 giờ.

11.5. Thoát nước thải:

- Xây dựng hệ thống thoát nước mưa và nước thải riêng biệt.
- Tổng lưu lượng nước thải: Q_{thải max} = 630 m³/ngày đêm.
- Nước thải sinh hoạt từ các khu vệ sinh trong các hộ gia đình, công trình công cộng, công trình thương mại dịch vụ,... được thu gom thông qua hệ thống cống thoát nước thải thu gom về khu xử lý nước thải khu vực núi Sam. (Công suất trạm trong giai đoạn đầu là 2000 m³/ngày đêm, giai đoạn dài hạn là 3500 m³/ngày đêm).

- Nước thải bản sau khi được xử lý tại các nhà máy xử lý nước thải phải đảm bảo các tiêu chuẩn cho phép mới được thải ra môi trường tự nhiên.

11.6. Quản lý chất thải rắn:

- Rác được phân loại trong các công trình công cộng và từng hộ dân, sau đó được thu gom trong ngày vào các thùng rác để đưa đến bãi rác tập trung của thành phố Châu Đốc tại kênh 10 bằng xe chuyên dụng.

- Tiêu chuẩn thải rác : 1,0 kg/người/ngày đêm.

- Lượng rác thải sinh hoạt : 2,6 Tấn/ngày đêm.

- Nghĩa trang: Sử dụng nghĩa trang chung của thành phố Châu Đốc.

11.7. Thông tin liên lạc:

- Sử dụng tổng đài hiện hữu của thành phố để nâng cấp phục vụ. Đường dây thông tin liên lạc đi ngầm bên dưới vỉa hè.

- Tổng nhu cầu sử dụng: 4.745 thuê bao, đảm bảo 30 máy/100 dân đến năm định hướng và các cơ quan 100% có máy điện thoại.

12. Đánh giá môi trường chiến lược:

- Phân tích, dự báo, lượng hóa các tác động và diễn biến môi trường trong quá trình thực hiện điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu du lịch Bắc Miếu Bà, phường Núi Sam, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Đề ra các giải pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường khu vực quy hoạch.

* Ngoài những quy định cụ thể nêu trên, các quy định khác chưa quy định trong quy định quản lý này thì tuân thủ theo quy chuẩn xây dựng Việt Nam: QCVN 01:2008/BXD ngày 03/4/2008 của Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng.

PHẦN III: TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Quy định về tổ chức thực hiện:

- Ủy ban nhân dân thành phố Châu Đốc thống nhất quản lý toàn diện các hoạt động quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị đúng theo đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu du lịch Bắc Miếu Bà, phường Núi Sam, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang được duyệt và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về công tác thực hiện theo quy hoạch.

- Sở Xây dựng có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân thành phố Châu Đốc quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan toàn đô thị và một số khu vực có giá trị kiến trúc, cảnh quan đặc biệt theo sự phân công của Ủy ban nhân dân Tỉnh.

Điều 14. Quy định về phân công trách nhiệm:

- Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho UBND thành phố Châu Đốc căn cứ đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu du lịch Bắc Miếu Bà, phường Núi Sam, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang được phê duyệt tổ chức hoặc giao Chủ đầu tư lập các quy hoạch chi tiết trong khu vực dự án được giao thuộc đồ án quy hoạch phân khu này trên nguyên tắc không làm thay đổi các nội dung cơ bản của quy hoạch và có sự thỏa thuận của Sở Xây dựng.

- Việc điều chỉnh cục bộ một số nội dung trong đồ án điều chỉnh quy hoạch phân khu được duyệt phải được phản ánh về Sở Xây dựng để nghiên cứu trình UBND tỉnh quyết định.

Điều 15. Quy định công bố thông tin:

- Ủy ban nhân dân thành phố Châu Đốc có trách nhiệm tổ chức công bố thông tin và nội dung đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu du lịch Bắc Miếu Bà, phường Núi Sam, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang trên các phương tiện thông tin đại chúng,

tổ chức hội nghị công bố quy hoạch, tổ chức triển lãm đồ án quy hoạch công khai để các tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan biết thực hiện.

- Sở Xây dựng An Giang, UBND thành phố Châu Đốc có trách nhiệm giúp UBND Tỉnh, lưu trữ hồ sơ quy hoạch để phục vụ công tác quản lý đô thị và cung cấp các thông tin quy hoạch cho các tổ chức, cá nhân nếu có yêu cầu để phục vụ công tác quản lý theo quy hoạch.

Điều 16. Quy định thi hành:

- Quy định quản lý xây dựng theo Đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu du lịch Bắc Miếu Bà, phường Núi Sam, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang có giá trị và được thi hành kể từ ngày ký.

- Các tổ chức, cá nhân đều phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về các hành vi không cung cấp thông tin quy hoạch, cố tình cung cấp sai thông tin quy hoạch, quản lý xây dựng không theo quy hoạch, xây dựng các dự án trái với quy hoạch.

- Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh về Sở Xây dựng để nghiên cứu trình UBND Tỉnh quyết định, khi chưa có ý kiến của UBND Tỉnh thì không được thay đổi.

- Đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu du lịch Bắc Miếu Bà, phường Núi Sam, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang và bản quy định này được ấn hành và lưu trữ tại:

- + Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang.
- + Sở Xây dựng tỉnh An Giang;
- + Ủy ban nhân dân thành phố châu Đốc;
- + Phòng Quản lý đô thị thành phố Châu Đốc.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Văn Nưng